

MA TRẬN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I**Môn Toán 6 – Năm học 2023 – 2024 (Thời gian 90 phút)**

TT (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/ Đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4)	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng (13)
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
				TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chương I	1.Tập hợp- ước chung	Nhận biết: Cách viết một tập hợp, ước chung (Câu 1)	1 (0,25đ)								2,5%
		2.Lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: Hiểu cách nhân hai lũy thừa cùng cơ số (Câu 2) Thông hiểu: cách nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số (Câu 12); (Câu13b)	1 (0,25đ)		1 (0,25đ)	1 (0,5đ)					10%
2	Chương II	1.Quan hệ chia hết - tính chất- số nguyên tố	Nhận biết: - Nhận biết một tổng chia hết cho 5 (Câu 3) -Nhận biết một số là số nguyên tố (Câu 5)	2 (0,5đ)								5%
		2. Ước chung- Bội chung	Vận dụng: Vận dụng cách tìm ƯC LN để giải toán (Câu 15)						1 (1,5đ)			15%
3	Chương III	1. Các phép tính cộng- trừ- nhân- chia số nguyên	Nhận biết: Tính chất của phép cộng số nguyên (Câu 6) Thông hiểu: hiểu được Hiểu được các quy tắc, các tính chất của các phép tính để thực hiện các phép tính. (Câu 7, 8); (Câu 13 ý a,c; Câu 14 ý a,b,c)	1 (0,25)		2 (0,5đ)	5 (2,5đ)					32,5%

		2. Phép chia hết, bội và ước của một số nguyên	Vận dụng: Phép chia hết, bội và ước của một số nguyên (Câu 17)								1 (1,0đ)	10%
4	Chương IV	1. Một số hình học phẳng	Nhận biết: Tính chất Hình bình hành. (Câu 4);	1 (0,25đ)								2,5%
		2. Chu vi và diện tích của một số loại tứ giác	Nhận biết: Công thức tính diện tích hình thang, cách đổi đơn vị (Câu 9) Vận dụng: Tính diện tích của một số loại tứ giác. (Câu 16)	1 (0,25đ)					1 (1,5đ)			17,5%
5	Chương V	Tính đối xứng của hình học trong tự nhiên	Nhận biết: hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng (Câu 10); (Câu 11);	2 (0,5đ)								5%
Tổng				9		3	6		2		1	21
Tỉ lệ %				22,5%		37,5%		30%		10%		100%
Tỉ lệ chung					60%			40%				100%

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I – MÔN TOÁN 6

I. Trắc nghiệm: (3,0 điểm)

Khoanh tròn chữ cái đứng trước phương án đúng trong các câu sau đây:

Câu 1. Cho tập hợp $A = \{1; 2; 4; 8\}$. Cách viết nào sau đây là đúng.

- A. $1 \notin A$ B. $\{2; 4\} \subset A$ C. $8 \subset A$ D. $5 \in A$

Câu 2. Phép nhân $2.2.2.2.2.2$ được viết dưới dạng lũy thừa là:

- A. 2.6 B. 2^6 C. 6^2 D. 64

Câu 3. Tổng nào sau đây chia hết cho 5

- A. $15 + 2021$ B. $2020 + 2025 + 2030$ C. $2020 + 2025 + 2029$

Câu 4. Trong hình bình hành nhận xét nào sau đây là **sai**?

- A. Các cạnh đối bằng nhau B. Các góc đối bằng nhau
C. Hai đường chéo vuông góc D. Các cạnh đối song song với nhau

Câu 5. Trong các số sau đây số nào là số nguyên tố:

- A. 6 B. 13 C. 26 D. 35

Câu 6. Phép cộng số nguyên có các tính chất:

- A. Giao hoán và kết hợp B. Giao hoán và phân phối
C. Kết hợp và phân phối D. Phân phối

Câu 7. Tổng của hai số nguyên -10 và 4 là:

- A. 14 B. -14 C. -6 D. 6

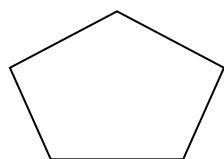
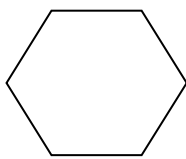
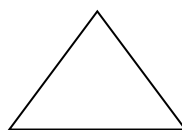
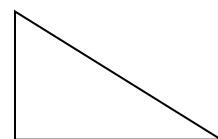
Câu 8. Kết quả của phép tính $97.36 + 97.4 + 97.60$ là:

- A. 9700 B. 3600 C. 6400 D. 10000

Câu 9. Công thức tính diện tích hình thang là:

- A. $S = a^2$ B. $S = a^2.b$ C. $S = (a + b)h$ D. $S = \frac{1}{2}(a + b)h$

Câu 10. Trong các hình dưới đây, hình có tâm đối xứng là:



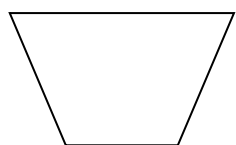
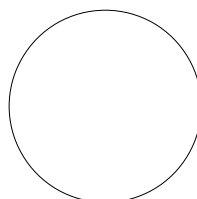
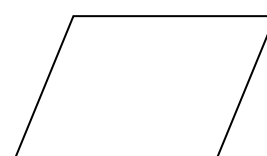
A. Ngũ giác

B. Lục giác đều

C. Tam giác

D. Tam giác vuông

Câu 11: Trong các hình dưới đây, hình **không** có trục đối xứng là:



A. Hình thang cân

B. Hình vuông

C. Hình Tròn

D. Hình bình hành

Câu 12 : Kết quả của phép tính $5^7 \cdot 5^3$ là

A. 5^4

B. 5^{21}

C. 5^{10}

D. 10^{10}

II. Tự luận: (7,0 điểm)

Câu 13. (1,5 điểm) Tính:

a) $79 - (79 - 2021)$

b) $4^5 : 4^3 - 8$

c) $17 \cdot (-85) + 17 \cdot 85$

Câu 14. (1,5 điểm) Tìm x , biết:

a) $x - 74 = 118$

b) $2 \cdot x = (-20) : 10$

c) $16 : x = (-2) \cdot (-4)$

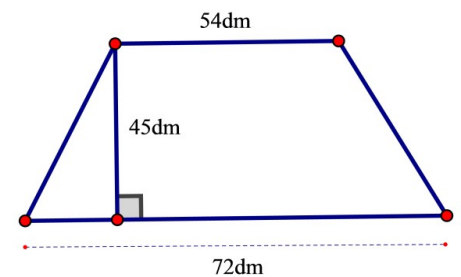
Câu 15. (1,5 điểm)

Có 12 quả cam, 18 quả xoài và 28 quả bơ. Mẹ bảo Lan chia đều mỗi loại quả đó vào các túi quà sao cho mỗi túi đều có cả cam, xoài và bơ. Hỏi Lan có thể chia được nhiều nhất mấy túi quà?

Câu 16. (1,5 điểm)

Bản thiết kế một hiên nhà được biểu thị bởi hình sau.

Cần phải mua bao nhiêu mét vuông đá hoa để lát phần hiên nhà đó?



Câu 17. (1,0 điểm): Tìm số nguyên n biết rằng $n - 4$ chia hết cho $n - 1$

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ I

MÔN: TOÁN 6

I. Trắc nghiệm khách quan: (3,0 điểm) (Mỗi câu đúng được 0,25 đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	B	C	B	A	C	A	D	B	D	C

II. Tự luận: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 13 (1,5 đ)	a) 2021	0,5đ
	b) 2	0,5đ
	c) 0	0,5đ
Câu 14 (1,5đ)	a) $x = 192$	0,5đ
	b) $x = -1$	0,5đ
	c) $x = 2$	0,5đ
Câu 15 (1,5đ)	Số túi quà chia được nhiều nhất chính là ƯCLN(12;18;28)	0,5đ
	Ta có : $12 = 2^2 \cdot 3$ $18 = 2 \cdot 3^2$ $28 = 2^2 \cdot 7$	0,5đ
	Suy ra: ƯCLN(12;18;28) = 2 $\Rightarrow$ Chia được nhiều nhất thành 2 túi quà	0,5đ
Câu 16 (1,5đ)	Cần phải mua số mét vuông đá hoa để lát phần hiên nhà đó là $(54 + 72) \cdot 45 : 2 = 2835 \text{ dm}^2 = 28,35 \text{ m}^2$	1,5đ
Câu 17 (1,0đ)	$n - 4 = n - 1 - 3$ chia hết cho $n - 1$ từ đó suy ra: $3 \vdots n - 1$	0,5đ
	Suy ra $n = -2; 0; 2; 4$.	0,5đ

DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN